

KỸ THUẬT ĐOÁN TỪ VỤNG CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CHÚNG VỚI TỶ LỆ ĐOÁN TỪ ĐÚNG

Nguyễn Thị Anh Thu

Phòng Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, Việt Nam

Email: thu_nta@vlute.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 26/5/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 28/6/2021; Ngày duyệt đăng: 28/11/2021

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm kiểm tra việc sử dụng những kỹ thuật đoán từ vụng của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh khi đọc một bài text và mối quan hệ của chúng với tỷ lệ đoán từ đúng. Sinh viên được chia làm hai nhóm trình độ đọc khác nhau (trình độ đọc cao và thấp) nhờ vào bài kiểm tra về độ thành thạo trong việc đọc của họ. Dữ liệu thu được nhờ vào phương pháp think-aloud được thực hiện trên 20 sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh của Trường Đại học Cửu Long. Những sinh viên này sẽ cố gắng đoán nghĩa của từ mới trong một bài text cho sẵn. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên sử dụng đa dạng các kỹ thuật đoán nghĩa từ vụng mới nhưng không phải tất cả sinh viên đều sử dụng tất cả các kỹ thuật. Kết quả chỉ ra rằng tỷ lệ đoán đúng từ của cả hai nhóm đều rất thấp và nghiên cứu cũng cho thấy không có mối quan hệ nào giữa việc sử dụng kỹ thuật đoán từ với tỷ lệ đoán đúng nghĩa của từ. Nghiên cứu này có thể giúp giáo viên, nhà biên soạn sách và sinh viên chú ý nhiều hơn nữa đến các kỹ thuật khác nhau trong việc đoán nghĩa của từ mới trong bài text.

Từ khóa: *Đoán từ, kỹ thuật, phương pháp think-aloud, tỷ lệ đoán từ đúng, từ mới.*

EFL STUDENTS' USE OF LEXICAL INFERCING STRATEGIES AND ITS RELATIONSHIP WITH INFERENCE SUCCESS

Nguyen Thi Anh Thu

*Department of International Cooperation,
Vinh Long University of Technology Education, Vietnam
Email: thu_nta@vlute.edu.vn*

Article history

Received: 26/5/2021; Received in revised form: 28/6/2021; Accepted: 28/11/2021

Abstract

This study examines EFL students' use of strategies in lexical inferencing while reading an English text and its relationship with inferential success. A reading proficiency test was given to participants to classify them into two groups of high-proficiency and low-proficiency. Data consist of think-aloud protocols of 20 second-year English-majored students of Mekong University who attempted to infer the meaning of unknown words in a written text. Results reveal that students used a variety of strategies for guessing unknown words, but not all students used all strategies for their lexical inferencing. The findings also indicate that both high-proficiency and low-proficiency learners made a small number of successful guesses in attempting to infer the meanings of the unknown words. Overall successful lexical inference did not show any relationship with the students' use of strategies. This study can inspire teachers, textbook writers, and students to attend more to different strategies and lexical inference.

Keywords: *Inferential success, lexical inferencing, strategies, think-aloud, unknown words.*

1. Đặt vấn đề

Đọc hiểu được xem là một trong những môn học chính trong chương trình học của sinh viên (SV) chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Cửu Long. Trên thực tế, từ học kỳ thứ tư, SV được học bốn kỹ năng: Đọc tiếng Anh thương mại, Viết tiếng Anh thương mại, Nói tiếng Anh thương mại và Nghe tiếng Anh thương mại. Như vậy, với lượng từ vựng lớn trong mỗi bài đọc, đặc biệt là các từ thuộc chuyên ngành thương mại, SV không thể học thuộc lòng hoặc dựa vào từ điển trong khi đọc. Tuy nhiên, việc sử dụng các kỹ thuật đoán từ vựng vẫn chưa được các giảng viên và SV tại Trường Đại học Cửu Long quan tâm đúng mức. Vì vậy, việc tìm hiểu tình hình thực tế của các SV chuyên ngành tiếng Anh trong việc sử dụng các kỹ thuật đoán từ của họ là rất cần thiết.

Thực tế giảng dạy môn Đọc hiểu tiếng Anh tại Trường Đại học Cửu Long cho thấy SV chuyên ngành tiếng Anh đã và đang gặp phải khó khăn với môn học này. Thật vậy, các quan sát cho thấy SV thiếu một số lượng lớn từ vựng cần thiết để hiểu một bài đọc tiếng Anh. Chúng ta không thể phủ nhận rằng việc phải đối mặt với một vài từ mới có thể không ảnh hưởng đến ý nghĩa chung của toàn bài đọc, nhưng nếu có quá nhiều từ hoặc những từ cần thiết nhất mà không biết, thì việc đọc hiểu sẽ bị ảnh hưởng.

Và để khắc phục vấn đề về từ vựng, hầu hết SV thường tra từ điển Anh Việt để tìm ra nghĩa phù hợp. Mặc dù việc sử dụng từ điển hợp lý có thể đem lại hiệu quả trong suốt quá trình đọc, nhưng chúng ta cũng phải thận trọng với những bất lợi nếu lệ thuộc quá nhiều vào chúng; chẳng hạn như làm giảm sự hứng thú khi đọc một bài viết bằng tiếng Anh hay việc tra từ với nghĩa không chính xác và không phù hợp với ngữ cảnh của bài đọc. Trong quá trình đọc, khi gặp phải một từ mới, SV tra từ và viết xuống bên dưới từ tiếng Anh nghĩa đầu tiên của từ đó được liệt kê trong từ điển. Họ không xem xét liệu nghĩa đó có phù hợp với ngữ cảnh diễn đạt trong văn bản hay không. Cứ thế SV tiếp tục đọc cho đến khi gặp phải một từ mới khác nữa. Họ “đọc” bằng cách thay thế toàn bộ những từ tiếng Anh bằng những từ tiếng Việt, từng từ một. Thậm chí khi làm điều này, rất ít SV chú ý đến nghĩa. Ngay cả khi ý nghĩa của những câu tiếng Việt không có nghĩa, thì có lẽ SV cũng không nghĩ rằng có bất cứ điều gì sai. Họ đặt tầm quan trọng lên

mỗi từ là như nhau và cố gắng hiểu một câu sử dụng kiến thức ngữ pháp của mình.

Rõ ràng vai trò của việc đoán từ vựng đã không được những SV này nhận thức một cách chính xác, và kỹ thuật suy luận ra nghĩa của từ qua ngữ cảnh dường như không được SV sử dụng một cách hiệu quả. Tuy nhiên không ai thật sự biết chính xác SV sử dụng ngữ cảnh ở mức độ nào khi đoán nghĩa của từ mới. Vì thế sẽ rất hữu ích khi chúng ta có một sự hiểu biết đúng về những gì mà người đọc ngôn ngữ thứ hai thật sự làm khi họ gặp phải những từ mới và cố gắng để đoán nghĩa của chúng mà không cần đến sự trợ giúp của từ điển.

Bensoussan & Laufer (1984) cho rằng mặc dù một vài nghiên cứu chỉ ra khả năng thành công thấp trong việc làm rõ nghĩa của từ mới bằng cách dùng những gợi ý từ ngữ cảnh, nhưng kỹ thuật đoán nghĩa của từ mới qua ngữ cảnh không thể bị loại bỏ hoàn toàn vì không thể nhớ tất cả các mục từ vựng trong ngôn ngữ mục tiêu.

Trên cơ sở các vấn đề thực tế trong các lớp đọc hiểu tiếng Anh tại Trường Đại học Cửu Long và nền tảng lý thuyết và thực tiễn của việc đoán từ vựng, nghiên cứu được thực hiện để kiểm tra việc sử dụng các kỹ thuật đoán từ vựng của SV chuyên ngành tiếng Anh trong khi đọc và mối quan hệ của chúng với tỷ lệ đoán từ đúng.

2. Cơ sở lý thuyết

Việc khảo sát các quá trình liên quan đến việc đoán nghĩa của từ qua ngữ cảnh đã nhận được sự quan tâm rộng rãi trong việc học ngoại ngữ/ ngôn ngữ thứ hai (Hu & Nassaji, 2014). Các kỹ thuật đoán từ vựng là một trong những kỹ thuật có lợi nhất cho người học ngoại ngữ/ ngôn ngữ thứ hai khi họ gặp một từ mới trong văn bản. (Wang, 2011)

Trước hết, việc xác định nghĩa của từ "suy luận" (inferencing) trong học ngôn ngữ thứ 2 sẽ rất hữu ích. Mặc dù "inferencing" chỉ mới được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ thứ 2 chấp nhận gần đây (Bialystok, 1983), nhưng người ta có thể tìm thấy gốc của nó trong động từ "to infer", mà theo Webster's New World Dictionary (phiên bản 1977), có nghĩa là "kết luận bằng việc suy luận từ một cái gì đó đã biết hoặc giả định." Trong nghiên cứu của Morrison (Morrison, 1996), "inferencing" đã thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ thứ 2 (Bialystok, 1983) nhưng định nghĩa gần đây nhất

về hiện tượng này đến từ (Haastrup, 1987), đã định nghĩa “lexical inferencing” là một quá trình "bao gồm việc đưa ra những phỏng đoán dựa trên đầy đủ thông tin về ý nghĩa của một lời nói dưới các gợi ý ngôn ngữ sẵn có kết hợp với kiến thức chung của người học về thế giới, nhận thức về tình huống và kiến thức ngôn ngữ liên quan".

Nghiên cứu này sẽ tập trung vào “đoán từ” (lexical inferencing) trong một văn bản. Theo định nghĩa này, “inferencing” có thể được định nghĩa đơn giản là “phỏng đoán dựa trên đầy đủ thông tin” (informed guessing). Tuy nhiên, việc sử dụng từ "guessing" đặt ra một số vấn đề vì nó có thể dễ bị nhầm lẫn với “phỏng đoán thiếu dẫn đo suy nghĩ (wild guessing), xảy ra khi người học không sử dụng thông tin liên quan trong các dự đoán của họ, vì thông tin

này không có sẵn hoặc vì người học không biết cách lấy và sử dụng nó. Sự phân biệt giữa phỏng đoán "dựa trên đầy đủ thông tin" và "thiếu dẫn đo suy nghĩ" là một điều quan trọng cần thực hiện. Trong bài báo này, các từ “inferencing” và “guessing” (có nghĩa là phỏng đoán dựa trên đầy đủ thông tin) được sử dụng thay thế cho nhau.

Theo Nassaji (2003), các kỹ thuật (strategies) được định nghĩa là các hoạt động nhận thức hoặc siêu nhận thức có ý thức mà người học sử dụng để giành quyền kiểm soát hoặc hiểu vấn đề mà không có bất kỳ sự hỗ trợ của nguồn kiến thức. Các kỹ thuật này được Nassaji (2003) đề cập đến như lặp lại, xác minh, tự hỏi, phân tích, kiểm tra và so sánh. Như vậy, trong nghiên cứu của Nassaji, có tất cả 6 loại kỹ thuật mà SV sử dụng để đoán nghĩa của từ mới.

Bảng 1. Định nghĩa các kỹ thuật SV sử dụng để đoán từ

| Kỹ thuật | Định nghĩa |
|-----------------------|---|
| Lặp lại (repeating) | Lặp lại bất kỳ phần nào của văn bản, bao gồm từ, cụm từ hoặc câu mà từ đó xuất hiện. |
| Xác minh (Verifying) | Kiểm tra sự phù hợp của ý nghĩa được suy luận bằng cách kiểm tra nó với ngữ cảnh rộng hơn. |
| Tự hỏi (Self-inquiry) | Tự đặt câu hỏi về văn bản, từ ngữ hoặc ý nghĩa đã suy luận. |
| Phân tích (Analysing) | Cố gắng tìm ra nghĩa của từ bằng cách phân tích nó thành các phần hoặc thành phần khác nhau. |
| Kiểm tra (Monitoring) | Thể hiện sự nhận biết có ý thức về vấn đề hoặc mức độ dễ dàng hay khó khăn của nhiệm vụ. |
| So sánh (Analogy) | Cố gắng tìm ra nghĩa của từ dựa trên sự tương đồng về âm hoặc hình thái của nó với các từ khác. |

Các nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng người đọc sử dụng rất nhiều kỹ thuật khác nhau khi họ gặp từ mới. Những kỹ thuật này bao gồm việc phớt lờ từ mới, tra từ điển để tìm nghĩa, viết ra để tham khảo ý của giáo viên hoặc cố gắng đoán nghĩa của chúng qua ngữ cảnh (Fraser, 1999; Harley & Hart, 2000). Trong số các kỹ thuật đó thì đoán từ vựng là kỹ thuật được người học ngôn ngữ thứ hai sử dụng phổ biến nhất.

Trong (Fraser, 1999 cùng với Paribakht và Wesche, 1999), các tác giả đã tìm ra rằng đoán từ là kỹ thuật được ưa thích nhất và sử dụng thường xuyên nhất mà những người học ngôn ngữ thứ hai sử dụng để biết nghĩa của từ mới khi đọc. Fraser cho rằng đoán từ chiếm tới 58% các trường hợp khi người học gặp phải một từ mới. Những kỹ thuật khác được sử dụng với mức độ thấp hơn: tra từ điển (39%), phớt lờ (32%), và không để ý đến từ mới (3%). Paribakht và Wesche nhận thấy hầu hết 80% trong số các kỹ thuật mà người học ngôn ngữ thứ hai đã sử dụng khi gặp

từ mới là đoán từ vựng, chỉ có 20% là người học sử dụng các kỹ thuật khác. Đoán từ cũng được báo cáo là kỹ thuật xử lý chính khi người học nỗ lực để tìm ra từ và học nghĩa của thành ngữ và nghĩa bóng khi đọc.

Trong các nghiên cứu về đoán từ vựng, yếu tố giúp người học thành công trong việc học từ vựng là kiến thức của người học về việc sử dụng các kỹ thuật một cách hiệu quả nhất (Nassaji, 2004; Wesche & Paribakht, 2010). Người ta tin rằng chỉ số lượng các kỹ thuật là không đủ để đánh giá tại sao những người học ngoại ngữ giỏi lại đoán từ thành công mà có thể có yếu tố khác tác động như khả năng sử dụng các kỹ thuật đúng chỗ (Hu & Nassaji, 2014).

Một điểm cần nhấn mạnh khác trong nghiên cứu này là phương pháp think-aloud được sử dụng để thu thập dữ liệu. Theo Van Someren & cs. (1994), think-aloud là phương pháp thuật lại bằng lời nói mà trong đó người đọc miêu tả suy nghĩ và hành vi của

họ trong lúc đang thực hiện một công việc được giao. Đây là phương pháp đặc biệt được chú ý khi nghiên cứu về quá trình nhận thức và trong các nghiên cứu về sự khác biệt cá nhân. Ưu điểm của phương pháp này là quan sát trực tiếp, độ linh hoạt cao, chất lượng cao, cuộc hội thoại trực tiếp và có ý nghĩa. Phương pháp think-aloud có nhiều thuận lợi hơn so với các loại thuật lại bằng lời nói khác. Chúng liên quan đến những nhiệm vụ cụ thể tạo ra những kết quả đáng tin cậy hơn là các kết quả có tính giả thuyết khác. Tuy nhiên nhà nghiên cứu sẽ mất nhiều thời gian khi thực hiện.

Roskams (1998) đã thực hiện một nghiên cứu khảo sát và miêu tả ở Hồng Kông sử dụng phương pháp think-aloud để kiểm tra việc sử dụng và hiệu quả của các kỹ thuật đoán từ của SV Trung Quốc khi gặp những từ mới trong khi đọc tiếng Anh. Kết quả cho thấy người có trình độ đọc cao sử dụng hiệu quả các gợi ý từ ngữ cảnh diễn ngôn mặc dù giả định sai về kiến thức của một từ dẫn đến nhiều lỗi.

Liên quan đến vấn đề này, Soria (2001) đã sử dụng phương pháp think-aloud theo cặp để kiểm tra các tiến trình đoán từ được sử dụng bởi các SV đại học. Trong nghiên cứu của mình, Soria kiểm tra và so sánh việc sử dụng các nguồn từ ngữ cảnh, nội ngữ và liên ngữ của những người học ngôn ngữ Ilokano trình độ trung cấp và cao cấp về độ thành thạo cao và thấp trong ngôn ngữ mục tiêu. Bên cạnh đó, các kỹ thuật bổ sung được sử dụng bởi những người được khảo sát cũng như sự khác biệt của từng cá nhân cũng được khám phá. Phát hiện chung của nghiên cứu này cho thấy độ thành thạo của người học không phải là yếu tố quyết định trong việc đoán từ vựng thành công.

Nassaji (2003) đã dùng phương pháp think-aloud hồi tưởng và nội tâm để kiểm tra việc sử dụng các kỹ thuật và nguồn kiến thức trong việc đoán từ mới và mối quan hệ của chúng với tỷ lệ đoán từ thành công. Phân tích cho thấy, tỷ lệ thành công thấp ngay cả khi người học sử dụng các kỹ thuật và nguồn kiến thức mà họ có theo ý của họ. Ông nhận thấy rằng trong số các kỹ thuật, người học sử dụng lặp lại thường xuyên nhất trong khi phân tích được tìm thấy ít thường xuyên nhất. Các phát hiện cho thấy rằng các kỹ thuật khác nhau đóng góp khác nhau vào sự thành công trong việc suy luận và sự thành công đó liên quan nhiều đến chất lượng hơn là số lượng các kỹ thuật được sử dụng.

Sau đó, Nassaji (2004) đã kiểm tra mối quan hệ giữa kiến thức từ vựng chuyên sâu của SV học ngôn ngữ thứ hai, việc sử dụng kỹ thuật đoán từ vựng và thành công của họ trong việc đoán từ. Kết quả chỉ ra mối liên hệ đáng kể giữa kiến thức từ vựng chuyên sâu và loại cũng như mức độ sử dụng các kỹ thuật đoán từ vựng. Ông phát hiện ra rằng những người có kiến thức từ vựng chuyên sâu hơn sử dụng một số loại kỹ thuật đoán từ vựng thường xuyên và hiệu quả hơn những người có kiến thức từ vựng ít hơn. Cuối cùng, kiến thức từ vựng chuyên sâu đã đóng góp rất nhiều vào thành công trong việc đoán từ và cả sự đóng góp của mức độ sử dụng kỹ thuật của người học.

Với mối quan tâm như vậy, Morrison (1996) cũng đã tiến hành một nghiên cứu để kiểm tra các tiến trình đoán từ của những người học tiếng Pháp như ngôn ngữ thứ hai ở trình độ đại học. Liên quan đến hai nhóm thông thạo trong nghiên cứu của Morrison, có sự khác biệt rõ ràng và đáng kể giữa nhóm có trình độ đọc cao và nhóm có trình độ đọc thấp.

Riazi và Babaei (2008) đã thực hiện một nghiên cứu, trong đó 15 nữ SV ngoại ngữ người Iran ở ba mức độ thành thạo khác nhau được yêu cầu nói to lên suy nghĩ của mình khi đọc một văn bản, chỉ rõ nguồn kiến thức mà họ sử dụng để đoán nghĩa của từ mới. Kết quả cho thấy SV trình độ cơ bản đã sử dụng các gợi ý từ ngữ cảnh, nội ngữ và liên ngôn ngữ; SV trình độ trung cấp sử dụng ngữ cảnh và SV trình độ cao sử dụng các gợi ý từ ngữ cảnh và nội ngữ để đoán từ vựng. Họ phát hiện ra rằng mặc dù SV trình độ trung cấp có số lượng suy luận từ vựng cao nhất, nhưng khả năng suy luận từ vựng chính xác cao nhất thuộc về SV trình độ cao. Nhìn chung suy luận từ vựng không cho thấy bất kỳ mối quan hệ nào với khả năng đọc của SV.

Cùng đề cập đến kỹ thuật đoán từ vựng của SV Iran, Sahar và Mohammad (2016) đã tìm hiểu các kỹ thuật đoán từ vựng của 15 SV ngoại ngữ và những đặc điểm phân biệt giữa những người suy luận thành công với những người suy luận ít thành công hơn. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt đáng kể giữa những người suy luận thành công và ít thành công hơn về số lượng các kỹ thuật. Tuy nhiên, họ khác nhau về chất lượng của từng loại kỹ thuật (nghĩa là cách người đọc sử dụng các kỹ thuật đoán từ vựng).

Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam cũng đã ít nhiều đề cập đến việc đoán từ qua ngữ cảnh nhưng khá rời rạc, mang tính riêng lẻ. Và đặc biệt, không thấy nghiên cứu nào kiểm tra các kỹ thuật mà SV chuyên ngành tiếng Anh sử dụng để đoán nghĩa từ mới khi đọc một bài text tiếng Anh sử dụng phương pháp think-aloud.

Dựa vào cơ sở lý thuyết vừa nêu trên, nghiên cứu này muốn tìm hiểu xem ở mức độ nào mà SV năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Cửu Long sử dụng các kỹ thuật để đoán từ mới dùng phương pháp think-aloud. Ngoài ra, nghiên cứu cũng mong muốn tìm xem có bất kỳ mối quan hệ nào giữa các kỹ thuật họ sử dụng và tỷ lệ đoán từ thành công của họ hay không.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng của nghiên cứu này là 20 SV năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Cửu Long. Các SV này được chia thành 2 nhóm khác nhau (10 SV có trình độ đọc cao và 10 SV có trình độ đọc thấp hơn) dựa vào điểm kiểm tra độ thành thạo trong việc đọc hiểu đầu năm học. Các SV chuyên ngành tiếng Anh của Trường Đại học Cửu Long được cho là có trình độ khá thấp. Tất cả những người tham gia (4 nam và 16 nữ) đều học năm thứ hai, tuổi từ 19 đến 21. Họ có kiến thức nền khác nhau, vì vậy trình độ giữa các SV cũng khác nhau.

3.2. Các công cụ nghiên cứu

Các công cụ nghiên cứu bao gồm:

3.2.1. Bài kiểm tra độ thành thạo đọc hiểu (Reading Proficiency Test)

Một bài kiểm tra đọc hiểu được thiết kế để kiểm tra khả năng đọc hiểu của SV. Bài kiểm tra bao gồm bốn bài đọc với 24 câu trắc nghiệm trích từ 2 phần trong quyển Interactions 2 (sách hướng dẫn) được dùng để kiểm tra phân loại.

Bài kiểm tra được thực hiện trong một tiết học. Trước khi làm bài kiểm tra, SV được thông báo về mục đích chung của nghiên cứu và được thông báo rằng kết quả trong bài kiểm tra sẽ không ảnh hưởng đến kết quả khóa học của họ. Thời gian phân bổ cho bài kiểm tra là 30 phút. Văn bản được lựa chọn với giả định là đã chuẩn hóa và phù hợp với khả năng đọc của SV.

3.2.2. Bài text tiếng Anh cho SV đoán từ

Bài text được chọn để sử dụng trong nghiên cứu này là bài được phát triển bởi Haastrup (1991, được trích dẫn trong Nassaji, 2004) trong một nghiên cứu về đoán từ vựng với những người học tiếng Anh ở Đan Mạch. Bài text với tựa bài “Health in the rich world and in the poor”, có 374 từ, với 10 từ cần đoán được đánh dấu với Chi số để đọc Flesch được tính toán.

Các từ mục tiêu thuộc về các loại từ và nghĩa trong ngữ cảnh thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Từ mục tiêu, loại từ và nghĩa trong ngữ cảnh

| Từ mục tiêu | Loại từ | Định nghĩa |
|-----------------|----------------------------|---|
| 1. sewage | danh từ | chất thải |
| 2. waver | động từ | trở nên yếu hơn hoặc ít chắc chắn hơn |
| 3. assessing | động từ | đưa ra nhận định về một tình huống sau khi đã suy nghĩ kỹ về nó |
| 4. contract | động từ | mắc hoặc bị bệnh |
| 5. squalor | danh từ | tình trạng bẩn thỉu và khó chịu vì thiếu chăm sóc hoặc tiền bạc |
| 6. curative | tính từ | có thể chữa khỏi |
| 7. affluence | danh từ | tình trạng có nhiều tiền, nhà đẹp, đồ đắt tiền... |
| 8. unfathomable | tính từ | quá kỳ lạ hoặc bí ẩn không thể hiểu được |
| 9. hazards | danh từ (số ít: hazard) | điều gì đó có thể nguy hiểm hoặc gây ra tai nạn hoặc sự cố |
| 10. permeated | tính từ | tỏa ra, lan khắp |

Bảng 3 thể hiện chỉ số dễ đọc Flesch của bài text.

Bảng 3. Flesch Readability Index

| Readability statistics | |
|----------------------------|------|
| Counts | |
| Words | 374 |
| Characters | 1741 |
| Paragraphs | 6 |
| Sentences | 19 |
| Averages | |
| Sentences per Paragraph | 4.7 |
| Words per Sentence | 18.4 |
| Characters per Words | 4,5 |
| Readability | |
| Passive Sentences | 21% |
| Flesch Reading Ease | 58,8 |
| Flesch-Kincaid Grade Level | 9,6 |

3.2.3. Các bản ghi lại lời nói của người đọc (think-aloud protocol)

Một bản ghi lại lời nói của người đọc bằng ngôn ngữ thứ nhất hoặc thứ hai được sử dụng để khám phá các kỹ thuật người đọc sử dụng trong việc đoán nghĩa của từ. Mặc dù các bản ghi lại lời nói này chỉ ghi lại một phần nhỏ suy nghĩ của người nói, nhưng nó không mang tính hồi tưởng và do đó có thể thu thập đủ thông tin từ trí nhớ ngắn hạn để theo dõi việc sử dụng các kỹ thuật của người đọc và cung cấp câu trả lời dự kiến cho các câu hỏi nghiên cứu. Trong quy trình này, SV được yêu cầu diễn đạt nội dung suy nghĩ của mình bằng lời nói trong khi cố gắng đoán nghĩa của từ mới qua ngữ cảnh.

3.3. Tiến trình thực hiện

Tiến trình nghiên cứu gồm 4 giai đoạn.

Giai đoạn 1 là cho SV 2 lớp Anh Văn năm thứ hai Trường Đại học Cửu Long làm bài kiểm tra phân loại độ thành thạo trong việc đọc hiểu. Sau đó, SV được giới thiệu phương pháp think-aloud với các bài tập thực hành để họ làm quen với phương pháp này. Cùng thời điểm đó, một bài text được đưa cho SV hai nhóm thực nghiệm đoán từ mới dùng phương pháp think-aloud dưới hình thức là một bảng câu hỏi. Bảng câu hỏi này được phát cho các SV lớp English

07 tại trường đại học tại chức Cần Thơ nhằm kiểm tra độ khó của 10 từ trong bài text, trong đó SV sẽ cho biết những từ nào mà họ biết hoặc không biết. Cuối cùng là giai đoạn thu thập dữ liệu thật sự cho nghiên cứu. Mỗi SV được đưa cho bài text và được hướng dẫn đọc lớn, khoảng 15 phút. Khi họ gặp mỗi từ gạch dưới trong bài đọc, họ được khuyến khích để cố gắng đoán nghĩa của từ mới qua ngữ cảnh và nói lên những gì họ suy nghĩ trong đầu. Khi đó, tất cả các giao thức think-aloud đều được ghi lại để làm cơ sở cho việc phân tích dữ liệu.

3.4. Phân tích số liệu

Với khuynh hướng miêu tả, phương pháp phân tích định tính được sử dụng để miêu tả các kỹ thuật nào SV sử dụng trong việc đoán nghĩa của từ mới khi đọc một bài text tiếng Anh. Một vài số liệu định lượng về độ thành thạo trong đọc hiểu và dữ liệu về think-aloud được thu thập dùng phần mềm thống kê xã hội (SPSS) để xử lý số liệu.

Dữ liệu được thu thập và phân loại cho việc nghiên cứu. Để xác định mức độ thành công của người đọc khi đoán từ, người nghiên cứu và một giáo viên có kinh nghiệm đã đánh giá độc lập câu trả lời của họ đối với từng từ mới bằng thang điểm 3 (a 3 point scale) (2 = thành công, 1 = thành công một phần, 0 = không thành công). Câu trả lời thành công được định nghĩa là các câu trả lời phù hợp về mặt ngữ nghĩa, cú pháp và ngữ cảnh. Một câu trả lời thành công có thể là một từ biểu thị ý nghĩa ngữ nghĩa chính xác của từ cần đoán (ví dụ: từ đồng nghĩa) hoặc một định nghĩa thích hợp của từ đó. Vì có thể đạt được ý nghĩa ngữ nghĩa hoàn toàn chính xác của một từ nhưng lại liên kết từ đó với một danh mục cú pháp sai (Gass, 1999, trích dẫn trong Nassaji, 2003). Vì mục đích đánh giá, chúng tôi đã phân loại các câu trả lời phù hợp về mặt ngữ nghĩa nhưng lệch lạc về mặt cú pháp, hoặc ngược lại, xem như thành công một phần. Để không đánh giá thấp thành công của người đọc, nếu ý nghĩa hoặc định nghĩa mà họ cung cấp có ý nghĩa trong ngữ cảnh nhưng khi được đánh giá bên ngoài ngữ cảnh không phải là nghĩa của từ đó, chúng tôi vẫn xem câu trả lời là thành công một phần. Trong trường hợp câu trả lời không đáp ứng bất kỳ điều kiện nào ở trên, chúng tôi xem đó là không thành công.

Tất cả các bản ghi lại lời nói của người đọc đã được mã hóa; được ghi lại để cho phép phân tích sâu hơn, và các phân tích tiếp theo dựa trên các bảng

chép lại này. Để xác định các loại kỹ thuật khác nhau mà người học sử dụng, tất cả bản ghi lại lời nói của người đọc ban đầu được ghi lại nguyên văn trước khi được kiểm tra và mã hóa cẩn thận hai lần, một lần bởi người nghiên cứu và sau đó bởi một đồng nghiệp. Đối với các loại mã hóa, người nghiên cứu đã tham khảo các tài liệu về từ vựng học và kỹ thuật đoán từ vựng trong một số nghiên cứu liên quan, và sơ đồ mã hóa được phỏng theo Nassaji (2003) là công cụ phân tích chính được sử dụng để kiểm tra các kỹ thuật được sử dụng. Mã hóa liên quan đến việc đọc và đọc lại các giao thức và xác định loại kỹ thuật đoán từ nào được sử dụng. Ngoài băng ghi âm, các ghi chú được

viết cũng được sử dụng để ghi lại các chi tiết về việc đoán từ vựng của SV.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Các chiến lược được dùng trong việc đoán từ

Độ tin cậy của việc mã hóa được thiết lập bằng cách tính toán thỏa thuận giữa hai người mã hóa trên một mẫu 20% số liệu (4 SV), và được mã hóa bởi người nghiên cứu và người mã hóa thứ hai, là đồng nghiệp của người nghiên cứu. Tỷ lệ đồng ý giữa hai người mã hóa cho 20% dữ liệu là 90%. Bảng 4 trình bày các loại kỹ thuật được xác định, cùng với các ví dụ từ băng ghi lại lời nói của người đọc.

Bảng 4. Các ví dụ ghi lại các kỹ thuật SV sử dụng

| Kỹ thuật | Ví dụ |
|-----------|---|
| Lặp lại | "waver" là một danh từ, "waver"... "waver"... "our beliefs waver..." Có thể ... waver là sóng hoặc sự lầy lan của các bệnh ... dịch bệnh. |
| Xác minh | "Now... waver"... "belief waver"... "After we came back... country"... "But when we ourselves become ill, our beliefs"... chúng ta sẽ... có thể được chăm sóc... waver... waver... chăm sóc... chăm sóc... "waver"... chăm sóc... |
| Tự hỏi | "Other diseases are due to hazards in the natural conditions in which we live."... "hazards"... "Other diseases are due to hazards in the natural conditions in which we live."... umm... "hazards"... "hazards"... "hazards"... Có thể là một khu vực?... "in the natural conditions... live." |
| Phân tích | "In the rich world many diseases are caused by affluence"... Em nghĩ... affluence... flu... flu... flu... flu... lạnh... không. "In... affluence"... affluence... flu là lạnh... affluence... affluence... có thể sử dụng một tiếp đầu ngữ... fluence... fluence... fluence... những bệnh của người giàu có thể liên quan đến tim... heart disease... Em nghĩ nó giống... tương tự như heart disease. |
| Kiểm tra | "In the rich world many diseases are caused by... affluence"... by... "affluence"... nói chung... nó có nghĩa là... tình trạng tinh thần... (cười)... khó quá... (smile)... Em không chắc. |
| So sánh | "When assessing modern medicine"... Em nghĩ... "assessing" có nghĩa... "We often... infections"... "assessing" có nghĩa... access (truy cập)... (cười)... bởi vì em nhìn thấy từ này trong chương trình tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin. |

Tần số và tỷ lệ phần trăm của các kỹ thuật mà SV sử dụng để đoán nghĩa của từ mới được thể hiện như sau:

Bảng 5. Các kỹ thuật SV sử dụng

| Kỹ thuật | n | % |
|----------------------|----|------|
| Lặp từ (WR) | 42 | 34,7 |
| Lặp cụm từ/ câu (SR) | 10 | 8,3 |
| So sánh (ANOLO) | 9 | 7,4 |

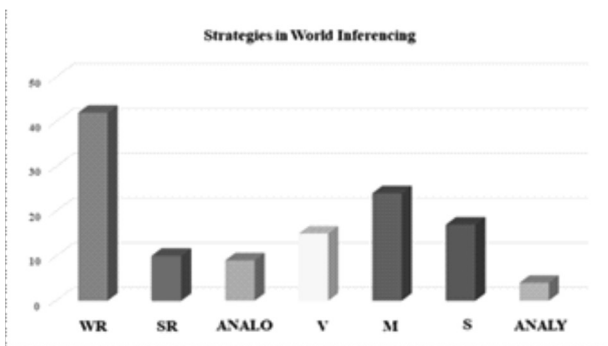
| | | |
|------------------|------------|------------|
| Xác minh (V) | 15 | 12,4 |
| Kiểm tra (M) | 24 | 19,8 |
| Tự hỏi (S) | 17 | 14,1 |
| Phân tích (ANAL) | 4 | 3,3 |
| Tổng cộng | 121 | 100 |

Trong số tất cả các kỹ thuật, SV sử dụng lặp lại (bao gồm lặp từ và lặp cụm từ/ câu) thường xuyên nhất, chiếm gần một nửa (43%) các kỹ thuật được sử

dụng. Trong hai kiểu lặp lại, SV sử dụng lặp từ thường xuyên hơn nhiều so với lặp cụm từ/ câu (34,7% so với 8,3%). Các kỹ thuật khác mà SV ít sử dụng hơn là kiểm tra (19,8%), tự hỏi (14,1%). SV sử dụng so sánh ít thường xuyên hơn (7,4%) và phân tích (3,3%) ít nhất (xem Bảng 5).

Kết quả cũng cho thấy không phải tất cả SV đều sử dụng tất cả các kỹ thuật. Trên thực tế, trong khi 85% (17 người học) sử dụng lặp từ, chỉ 30% (6 người học) sử dụng lặp cụm từ/ câu, 35% (7 người học) sử dụng so sánh, 45% (9 người học) sử dụng xác minh, 60% (12 người học) sử dụng kiểm tra, 35% (7 người học) sử dụng tự hỏi và 15% (3 người học) sử dụng phân tích.

Biểu đồ sau đây cho thấy tần suất của các kỹ thuật mà SV sử dụng.



Biểu đồ 1. Tần suất các kỹ thuật mà SV sử dụng

Các kỹ thuật mà người học đã sử dụng bao gồm lặp lại, xác minh, kiểm tra, tự hỏi, phân tích và so sánh. Kết quả cho thấy người học sử dụng lặp lại như một kỹ thuật chính. Trên thực tế việc họ sử dụng kỹ thuật này rất thường xuyên không có gì đáng ngạc nhiên vì việc lặp lại có thể hỗ trợ cả việc hiểu và nhận xét về nội dung. Trong khi đó, SV sử dụng phân tích ít thường xuyên nhất. Kết quả này tương tự như trong nghiên cứu của Nassaji (2003). Ông nhận thấy rằng SV sử dụng lặp lại (bao gồm lặp từ và lặp cụm từ/ câu) thường xuyên nhất, chiếm khoảng hai phần ba (63,7%) các kỹ thuật được sử dụng, trong khi phân tích (5,5%) được tìm thấy ít thường xuyên nhất.

Tuy nhiên, trong số các kỹ thuật, phân tích và kiểm tra liên quan nhiều đến việc đoán từ thành công hơn các kỹ thuật khác. Phát hiện này dường như cung cấp bằng chứng cho vai trò quan trọng của các kỹ thuật siêu nhận thức này trong việc đoán từ. Tuy nhiên, phân tích cho thấy rằng mặc dù một số

kỹ thuật có liên quan đến việc đoán từ thành công hơn những kỹ thuật khác, nhưng đóng góp chung của các kỹ thuật này chỉ chiếm một phần và rất hạn chế. Điều này cho thấy sự thành công trong việc đoán từ có thể không chỉ phụ thuộc vào việc sử dụng các kỹ thuật nhất định mà còn phụ thuộc vào mức độ hiệu quả của việc sử dụng các kỹ thuật được phối hợp với việc sử dụng các nguồn thông tin khác trong và ngoài văn bản. Phát hiện này phù hợp với các nghiên cứu trước đây (Nassaji, 2004; Wesche & Paribakht, 2010), cho thấy rằng yếu tố giúp người học thành công trong việc học từ vựng và đó là kiến thức của người học về việc sử dụng các kỹ thuật một cách hiệu quả nhất và chỉ số lượng các kỹ thuật là không đủ để đánh giá tại sao những người học ngoại ngữ giỏi lại đoán từ thành công mà có thể có yếu tố khác tác động như khả năng sử dụng các kỹ thuật đúng chỗ (Hu & Nassaji, 2014).

Ví dụ, trong nghiên cứu hiện tại, SV sử dụng lặp từ rất thường xuyên, nhưng những nỗ lực này không mang lại nhiều thành công. Thật vậy, việc lặp lại bản thân từ có thể là một kỹ thuật hữu ích, đặc biệt, khi nó có thể giúp SV tiếp cận ý nghĩa của một từ thông qua việc gợi ra sự thể hiện âm vị học hoặc hình học của từ trong từ vựng. Tuy nhiên, kỹ thuật này hóa ra không hiệu quả trong nghiên cứu này, một phần vì hầu hết các từ cần đoán trong bài text là những từ có tần suất thấp và những từ SV hoàn toàn không biết. Khi từ mà hoàn toàn không biết, thì SV không thể lặp lại chính từ đó một cách đơn giản vì có rất ít tham chiếu khái niệm cho từ trong từ vựng của họ.

So sánh cũng có thể là một kỹ thuật hữu ích và đôi khi có thể được sử dụng như một phương tiện để truy xuất ý nghĩa của một từ thông qua việc kết hợp nó với các từ lân cận khác. Tuy nhiên, nó có thể không thành công nếu có những từ giả giống nhau trong bài đọc và nếu SV không phân biệt được từ đó với những từ gần giống nhau (Bensoussan & Laufer, 1984). Trong những trường hợp như vậy, so sánh có thể dẫn đến một quá trình theo đó SV chọn một từ cho một từ khác có dạng tương tự.

4.2. Việc đoán từ thành công và các mức độ đọc thành thạo khác nhau

Số liệu thu thập được cho thấy cả người đọc trình độ cao và thấp đều có số lượng đoán từ thành công thấp. Họ hầu hết đưa ra những suy luận sai về nghĩa của các từ mới qua ngữ cảnh.

Bảng 6. Số lượng và phần trăm của đoán từ thành công/ thành công 1 phần/ không thành công của hai nhóm trình độ đọc cao (HP) và thấp (LP)

| HP | LP | | % | |
|---------------------|-----------|----|----|----|
| | Đ đoán từ | n | % | n |
| Thành công | 8 | 8 | 3 | 3 |
| Thành công một phần | 13 | 13 | 11 | 11 |
| Không thành công | 79 | 79 | 86 | 86 |

Như thể hiện trong Bảng 6, nhóm HP thực hiện việc đoán từ thành công cao hơn với 8 lần đoán đúng trong tổng số 100 lần đoán (8%), trong khi nhóm LP chỉ có 3 lần đoán đúng (3%).

Để có được độ tin cậy của kết quả, phần mềm SPSS được sử dụng để phân tích dữ liệu. Đầu tiên, việc đoán từ thành công của SV giữa hai nhóm được phân tích bằng Kiểm tra thống kê mô tả (*Descriptive Statistics Test*). Sau đó, sự khác biệt trung bình trong việc đoán từ thành công của SV giữa hai nhóm được phân tích bằng cách sử dụng Kiểm định T-Test (*Independent Samples T-Test*). Thử nghiệm được

thực hiện ở mức 0,05. Bảng 7 dưới đây hiển thị kết quả của các thử nghiệm này.

Bảng 7. Tỷ lệ đoán từ thành công của SV giữa hai nhóm

| Groups | N | Min. | Max. | Mean (M) | MD | SD |
|--------|----|------|------|----------|-----|-----|
| HP | 10 | .00 | .08 | .29 | | .26 |
| LP | 10 | .00 | .30 | .17 | .12 | .11 |

Thống kê miêu tả tỷ lệ đoán từ thành công giữa hai nhóm

Bảng 7 cho thấy điểm trung bình của việc đoán từ thành công của SV ở nhóm có trình độ đọc cao là 0,29 ($M = 0,29$) và nhóm có trình độ đọc thấp là 0,17 ($M = 0,17$).

Hai giá trị trung bình nêu trên là quá thấp, cho thấy tỷ lệ thành công rất thấp trong việc đoán từ của cả hai nhóm. Kết quả này khác với kết quả trong nghiên cứu của Morrison (1996), trong đó có sự khác biệt rõ ràng và đáng kể giữa nhóm có trình độ đọc cao và nhóm có trình độ đọc thấp liên quan đến các tiến trình đoán từ của những người học tiếng Pháp như ngôn ngữ thứ hai ở trình độ đại học.

4.3. Sự tương quan giữa các kỹ thuật và tỷ lệ đoán từ đúng của SV

Bảng 8. Kỹ thuật và tỷ lệ đoán từ thành công

| Kỹ thuật | Tỷ lệ đoán từ thành công | | | | | | | |
|------------------|--------------------------|------------|-------------------|-------------|------------------|-------------|------------|------------|
| | Thành công | | Thành công 1 phần | | Không thành công | | Tổng cộng | |
| | n | % | n | % | n | % | n | % |
| Lặp từ | 4 | 9,5 | 4 | 9,5 | 34 | 81,0 | 42 | 100 |
| Lặp cụm từ/ câu | 0 | 0,0 | 1 | 10,0 | 9 | 90,0 | 10 | 100 |
| Xác minh | 0 | 0,0 | 2 | 13,3 | 13 | 86,7 | 15 | 100 |
| So sánh | 0 | 0,0 | 1 | 11,1 | 8 | 88,9 | 9 | 100 |
| Tự hỏi | 0 | 0,0 | 2 | 11,8 | 15 | 88,2 | 17 | 100 |
| Phân tích | 2 | 50,0 | 1 | 25,0 | 1 | 25,0 | 4 | 100 |
| Kiểm tra | 1 | 4,2 | 0 | 0,0 | 23 | 95,8 | 24 | 100 |
| Tổng cộng | 7 | 9,1 | 11 | 11,5 | 103 | 79,4 | 121 | 100 |

Bảng 8 hiển thị tỷ lệ phần trăm suy luận thành công cho các loại kỹ thuật khác nhau được sử dụng. Trong số các kỹ thuật, phân tích có liên quan đến đoán từ thành công cao nhất (50%), tiếp theo là lặp lại từ

(9,5% và kiểm tra (4,2%). Phần lặp cụm từ/ câu, xác minh, so sánh, tự hỏi không có tỷ lệ thành công (0%).

Pearson's Correlation Test cũng được thực hiện để xem xét mối tương quan giữa các loại kỹ thuật và

tỷ lệ đoán từ thành công. Kiểm tra thống kê được thực hiện ở mức 0,01. Bảng 9 dưới đây trình bày kết quả của Pearson's Correlation Test.

Bảng 9. Mối tương quan giữa các loại kỹ thuật và tỷ lệ đoán từ đúng

| Correlation | N | R | Sig. (2-tailed) |
|---|----|-------|-----------------|
| Types of strategies-Inferential success | 20 | 0.196 | 0.409 |

*** Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).*

So sánh thống kê giữa điểm thành công trung bình và tần suất trung bình của các loại kỹ thuật này cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về đóng góp của các kỹ thuật khác nhau ($N = 20, r = 0,196, p = 0,409$). Những phát hiện này chỉ ra rằng thành công trong việc đoán từ không phụ thuộc đáng kể vào loại kỹ thuật mà người học sử dụng.

Tuy nhiên, phân tích sâu hơn về dữ liệu cho thấy không có kỹ thuật nào, ngay cả kỹ thuật thành công nhất, thì thành công 100% một mình. Sự khác nhau cũng được tìm thấy trong việc sử dụng các kỹ thuật, đối với từng SV và trên các mục từ được đoán. Điều này cho thấy rằng việc đoán từ thành công có thể không phải là kết quả của việc sử dụng một kỹ thuật này hơn các kỹ thuật khác mà do mức độ mà các loại kỹ thuật khác nhau hội tụ và liên kết.

Phân tích về dữ liệu liên quan đến mối quan hệ của sự thành công với số lượng so với loại kỹ thuật được sử dụng. Trong tổng số kỹ thuật được sử dụng ($n = 121$), khoảng 85% (103) có liên quan đến việc đoán từ không thành công. Tuy nhiên, trong tổng số các kỹ thuật liên quan đến việc đoán từ không thành công (103), khoảng một phần ba (34) là lặp từ, với ít trường hợp các kỹ thuật khác phức tạp hơn. Mặt khác, trong trường hợp suy luận thành công, có thể thấy tương đối nhiều trường hợp phân tích (2) và kiểm tra (1) hơn. Những phát hiện này cho thấy rằng thành công trong việc đoán từ có thể không liên quan nhiều đến số lượng cũng như chất lượng của các kỹ thuật được sử dụng.

Kết quả này cũng khác với kết quả nghiên cứu của Nassaji (2003). Ông nhận thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về đóng góp của các kỹ thuật khác nhau và phát hiện của ông chỉ ra rằng thành công trong

việc đoán từ phụ thuộc đáng kể vào loại kỹ thuật mà người học đã sử dụng.

5. Kết luận

Nghiên cứu này kiểm tra việc sử dụng các kỹ thuật trong việc đoán nghĩa của từ mới khi đọc những bài đọc hiểu tiếng Anh của SV chuyên ngành tiếng Anh. Ngoài ra, nghiên cứu cũng muốn tìm hiểu xem có bất kỳ mối tương quan nào giữa các kỹ thuật SV sử dụng và tỷ lệ đoán từ thành công hay không.

Kết quả của nghiên cứu này cung cấp sự hiểu biết sâu sắc về quá trình đoán nghĩa của từ mới khi đọc ngôn ngữ thứ hai và sự hướng dẫn dạy từ vựng trong đọc hiểu. Trước khi tiến hành nghiên cứu này, giả thuyết được đặt ra là SV có thể sử dụng nhiều kỹ thuật khác nhau để đoán từ mới. Kết quả cho thấy SV ở cả hai nhóm đã sử dụng tổng cộng 6 loại kỹ thuật để suy ra nghĩa của từ. Tuy nhiên, không phải tất cả SV đều sử dụng tất cả các kỹ thuật cho việc đoán từ của họ. Một giả thuyết khác cho rằng thành công trong việc đoán từ có thể không liên quan nhiều đến số lượng cũng như chất lượng của các kỹ thuật, và điều đó phù hợp với kết quả nghiên cứu vì có mối tương quan nghịch biến giữa các kỹ thuật và các suy luận thành công.

Nghiên cứu này cũng đưa ra một vài đề nghị cho giáo viên dạy môn đọc hiểu. Đó là khi giao những tài liệu đọc cho SV, giáo viên nên tránh cung cấp nghĩa của những từ mới và không nên khuyến khích việc sử dụng từ điển trong khi đọc. Thay vì vậy, giáo viên nên cho SV làm quen với những kỹ thuật và cho họ thực hành trong lớp. Giáo viên cũng nên giúp người học nhận thức rằng không nên dựa vào từng từ để hiểu bài đọc mà phải dựa vào ngữ cảnh. Tuy nhiên cũng không nên phụ thuộc quá nhiều vào ngữ cảnh để học từ mới. Giáo viên nên dành thời gian giải thích từ mới cho SV của mình.

Nghiên cứu này có ý nghĩa rất quan trọng. Nó giúp cho giáo viên có thể khám phá những kỹ năng xử lý của SV khi họ thực hiện một công việc được giao, có thể đánh giá những giá trị về mặt sư phạm phương pháp think-aloud như là một phương pháp nghiên cứu về quá trình nhận thức ngôn ngữ của SV. Hơn nữa, nếu những kỹ thuật sử dụng trong đoán từ góp phần cho việc đoán từ thành công thì đây sẽ là sự gợi ý quan trọng trong việc dạy từ vựng.

Dựa trên kết quả và các thảo luận của nghiên cứu này, các hướng nghiên cứu tiếp theo có thể được đề

xuất. Nghiên cứu sâu hơn nên kiểm tra lại mối quan hệ giữa các kỹ thuật mà SV sử dụng và sự thành công của họ trong việc đoán từ bởi vì từ Pearson's Correlation Test, thành công trong việc đoán từ không phụ thuộc đáng kể vào loại kỹ thuật mà SV đã sử dụng và có sự tương tác theo chiều nghịch giữa các kỹ thuật và suy luận thành công, nghĩa là việc SV sử dụng các kỹ thuật không liên quan đến việc đoán từ tốt hơn. Do đó, một nghiên cứu để kiểm tra lại kết quả này nên được tiến hành với nhiều mẫu hơn./.

Tài liệu tham khảo

- Bensoussan, M., & Laufer, B. (1984). Lexical guessing in context in EFL reading comprehension. *Journal of Research in Reading*, 7, 15-32.
- Bialystok, E. (1983). Inferencing: testing the "Hypothesis-Testing" hypothesis. In Seliger, H.W. and Long, M.H (eds), *Classroom-Oriented Research in Second-Language Acquisition*. Rowley, Mass.: Newbury House, 104-123.
- Fraser, C.A. (1999). Lexical Processing Strategy Use and Vocabulary Learning through Reading. *Studies in Second Language Acquisition*, 21, 225-241.
- Haastrup, K. (1987). Using think aloud and retrospection to uncover learners' lexical inferencing procedures. In C. Faerch & G. Kasper (Eds.), *Multilingual matters*, No. 30. *Introspection in second language research* (p.197-212). Multilingual Matters.
- Harley, B., & Hart, D. (2000). Vocabulary Learning in the Content-oriented Second-language Classroom: Student Perceptions and Proficiency. *Language Awareness*, 9(2), 78-96.
- Hu, M., & Nassaji, H. (2014). Lexical inferencing strategies: The case of successful versus less successful inferencers. *System*, 45, 27-38.
- Morrison, L. (1996). Talking about words: A study of French as a second language learners' lexical inferencing procedure. *Canadian Modern Language Review*, 53, 41-75.
- Nassaji, H. (2003). L2 vocabulary learning from context: Strategies, knowledge sources, and their relationship with success in L2 lexical inferencing. *TESOL Quarterly*, 37, 645-670.
- Nassaji, H. (2004). The relationship between depth of vocabulary knowledge and L2 learners' lexical inferencing strategy use and success. *Canadian Modern Language Review*, 61 (1), 107-134.
- Paribakht, T.S., & Wesche, M. (1999). Reading and "Incidental" L2 Vocabulary Acquisition. *Studies in Second Language Acquisition*, 21, 195-229.
- Pavlik, C. & Segal, M.K (1997). *Interactions 2 - Instructor's Manual/ Test Bank* (the 3rd edition). New York: McGraw-Hill Companies.
- Riazi, A., & Babaei, N. (2008). Iranian EFL female students, lexical inferencing and its relationship to their L2 proficiency and reading skill. *The Reading Matrix*, 8(1).
- Roskams, T. (1998). What's a guess worth? Chinese students' inferencing strategies for unknown words while reading. *Hong Kong Journal of Applied Linguistics*, 65-102.
- Sahar, A., & Mohammad, T. F. (2016). Revisiting lexical inferencing strategies in L2 reading: a comparison of successful and less successful EFL inferencers. *The Reading Matrix: An international online journal*.
- Soria, J. (2001). A study of Ilokano learners' lexical inferencing procedures through think- aloud. *Second Language Studies*, University of Hawaii.
- Van Someren M. W., Barnard, Y. F., & Sandberg, J. A. (1994). *The think aloud method: A practical guide to modelling cognitive processes*. London: Academic Press.
- Wang, Q. (2011). Lexical inferencing strategies for dealing with unknown words in reading- a contrastive study between Filipino graduate students and Chinese graduate students. *Journal of Language Teaching and Research*, 2, 302-313.
- Wesche, M., & Paribakht, T. S. (2010). *Lexical inferencing in a first and second language: Cross-linguistic dimensions*. Bristol, UK: Multilingual Matters.